

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu vực OM9
xã Yên Bằng thuộc QHC đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang,
Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1104/NQ-UBTVQH15 ngày 23/7/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035;

Căn cứ văn bản số 792/UBND-VP5 ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Quy hoạch chi tiết khu vực OM9, OM51 thuộc Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 xã Yên Bằng thuộc Quy hoạch chung đô thị mới thuộc địa phận 4 xã: Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035;

Căn cứ các văn bản số 913/UBND-VP5 ngày 12/9/2023, số 582/UBND-VP5 ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc gia hạn thời gian lập quy hoạch chi tiết khu vực OM9 xã Yên Bằng thuộc quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035;

Xét văn bản số 161/SXD-QH ngày 28/10/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 xã Yên Bằng thuộc Quy hoạch chung đô thị mới thuộc địa phận 4 xã: Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND huyện Ý Yên tại Tờ trình số 349/TTr-UBND ngày 13/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 xã Yên Bằng thuộc Quy hoạch chung đô thị mới thuộc địa phận 4 xã: Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035, với nội dung sau:

I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất (QH - 01);
2. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng (QH - 02);
3. Các bản đồ hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường (QH - 03);
4. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH - 04A);
5. Bản đồ quy hoạch chia lô (QH - 04B);
6. Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan (QH - 05);
7. Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH - 06);
8. Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH - 07);
9. Bản đồ quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng (QH - 08);
10. Bản đồ quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (QH - 09);
11. Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động (QH - 10);
12. Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH - 11);
13. Bản đồ quy hoạch thoát nước mặt (QH - 12);
14. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (QH - 13);
15. Các bản vẽ thiết kế đô thị (QH - 14A; QH - 14B; QH - 14C).

II. NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 thuộc Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035.

2. Phạm vi, quy mô, tính chất khu vực lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, quy mô

- Khu vực lập quy hoạch thuộc địa bàn xã Yên Bằng cũ (nay là xã Hồng Quang theo Nghị quyết số 1104/NQ-UBTVQH15 ngày 23/7/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ranh giới nghiên cứu:

- + Phía Bắc giáp đường sắt và QL.10;
- + Phía Nam giáp khu dân cư và mương;
- + Phía Đông Nam giáp ruộng và đường bê tông;
- + Phía Tây Nam giáp ruộng.

- Quy mô khu vực lập quy hoạch khoảng 13,85 ha.

- Quy mô dân số dự báo khoảng 1.628 người.

2.2. Tính chất

- Là một khu đô thị mới có kiến trúc cảnh quan đẹp, kết hợp hài hòa với các khu ở hiện hữu xung quanh. Được đầu tư xây dựng hiện đại đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu ở của dân cư đô thị trong tương lai.

- Chức năng chính trong khu quy hoạch bao gồm: Đất nhà ở; đất công trình hạ tầng xã hội (đất văn hóa; đất giáo dục; đất thể dục thể thao; đất cây xanh); đất đường giao thông; bãi đỗ xe; đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Mục tiêu lập quy hoạch; sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được ban hành

3.1. Mục tiêu

- Cụ thể hoá đồ án Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt tại Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 09/5/2019.

- Xác định tổng thể phân khu chức năng; quy hoạch sử dụng đất đai, quy mô các công trình đầu tư xây dựng; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng thời xác định phương án đấu nối hạ tầng chung của khu vực nhằm phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, thu hút đầu tư và là cơ sở để thực hiện các dự án.

3.2. Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được ban hành

Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 thuộc Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035 sẽ cụ thể hóa một phần định hướng quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt,

đồng thời xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa khu vực xây dựng mới với các dự án đã và đang triển khai, từng bước nâng cao điều kiện sống cho người dân, tạo cảnh quan kiến trúc đô thị văn minh hiện đại, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ý Yên nói riêng và của tỉnh Nam Định nói chung.

4. Chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng dựa trên các tiêu chuẩn đô thị loại V, phù hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

5. Chức năng sử dụng đất

Cụ thể hoá những định hướng của đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt và dựa trên cơ sở tổ chức không gian đô thị, thực trạng về quản lý hành chính hiện hữu, đồng thời tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Chức năng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở	43.343	31,29
-	Đất nhà ở liền kề	34.286	
-	Đất nhà ở biệt thự	7.759	
-	Đất tái định cư	1.298	
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	30.694	22,16
-	Đất văn hóa	1.100	
-	Đất giáo dục	2.200	
-	Đất cây xanh	24.791	
-	Đất thương mại dịch vụ	2.603	
3	Đất đường giao thông	54.911	39,64
4	Đất bãi đỗ xe	764	0,55
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	5.212	3,76
-	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	2.249	
-	Đất thuộc dự án đường 57B	2.963	
6	Đất nghĩa trang	3.582	2,6
	TỔNG	138.506	100,00

6. Yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan; thiết kế đô thị

6.1. Yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Tổ chức không gian, kiến trúc và cảnh quan chính khu vực OM9 được cơ bản xác định theo các khu vực trọng điểm sau: Khu vực xây dựng mới bao gồm: Các khu nhà ở, khu công cộng, trường học; các khu vực cửa ngõ đô thị; các vùng cây xanh công viên trung tâm; trục không gian kiến trúc chủ đạo chính của khu vực.

- Quản lý, hướng dẫn, tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan được quy định cụ thể như sau:

+ Đối với khu vực xây dựng mới: Tuân thủ nguyên tắc tạo được các tuyến phố có tính thẩm mỹ cao, cảnh quan đẹp. Giữa các nhóm nhà có tổ chức quy hoạch vườn hoa khu vui chơi giải trí, sân luyện tập thể thao. Công trình dịch vụ thương mại, công cộng khuyến khích thiết kế hình thức kiến trúc đẹp hiện đại, nổi bật về màu sắc để tạo điểm nhấn cho cảnh quan đô thị.

+ Trục không gian kiến trúc chủ đạo chính của khu vực: Chỉ cho phép trồng cây xanh, tổ chức vườn hoa, đường dạo, đài phun nước, tượng trang trí, các điểm dừng chân, biểu tượng trang trí của đô thị,... Kiến trúc công trình hai bên trục đường tạo điểm nhấn kiến trúc đô thị.

+ Đối với khu vực công viên trung tâm bố trí cây xanh, đường dạo xung quanh hài hòa, thẩm mỹ, đồng thời ở khu vực trung tâm lõi xanh bố trí quảng trường, đài phun nước vừa thông thoáng tầm nhìn vừa tạo cảnh quan, giảm tiếng ồn, bụi của các phương tiện giao thông trên đường phố.

6.2. Thiết kế đô thị

- Công trình điểm nhấn, không gian mở: Công viên cây xanh thể dục thể thao kết hợp tượng đài phun nước là điểm nhấn của khu đô thị, được xác định trên trục chính liên kết không gian chức năng trong khu đô thị đồng thời kết hợp các công trình nhà ở, công cộng, trung tâm thương mại dịch vụ tạo nên không gian mở tại khu vực.

- Mật độ, tầng cao xây dựng công trình đáp ứng yêu cầu tổ chức không gian từng khu vực chức năng và phải được xác định trên cơ sở tính toán chỉ tiêu hệ số sử dụng đất, phù hợp với QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn hiện hành khác. Đồng thời đảm bảo cân đối với tổng quy mô dân số đã được xác định, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được phê duyệt.

- Khoảng lùi tối thiểu công trình (m) của các công trình theo bề rộng đường (giới hạn bởi chỉ giới đường đỏ) và chiều cao xây dựng công trình được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Hình khối, màu sắc công trình kiến trúc hài hoà, mang tính hiện đại, bền vững phù hợp tính chất từng công trình.

7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

7.1. Quy hoạch giao thông

Cơ sở quy hoạch, thiết kế đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan.

Quy mô các tuyến đường giao thông được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên tuyến đường	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)
1	Tuyến đường D1 (mặt cắt 1C-1C)	431	36
2	Tuyến đường D2 (mặt cắt 1A-1A); (mặt cắt 1B-1B) và (mặt cắt 1C-1C)	343	36
3	Tuyến đường D3 (mặt cắt 2-2) và (mặt cắt 2B-2B)	416	15
4	Tuyến đường D4 (mặt cắt 2-2)	76	15
5	Tuyến đường D5 (mặt cắt 2-2)	75	15
6	Tuyến đường D6 (mặt cắt 2-2)	137	15
7	Tuyến đường D7 (mặt cắt 3-3) và (mặt cắt 3A-3A)	677	11
8	Tuyến đường D8 (mặt cắt 2A-2A)	106	15
9	Tuyến đường D9 (mặt cắt 2A-2A)	152	11
10	Tuyến đường D10 (mặt cắt 2-2)	539	15
11	Tuyến đường D11 (mặt cắt 2-2)	153	15
12	Bãi đỗ xe	Diện tích 764m ²	

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật

7.2.1. Định hướng san nền:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất. Quy hoạch san nền phải dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tận dụng địa hình sẵn có. Hướng thoát nước chủ yếu về các mương hiện trạng.

- Thiết kế san nền chia làm 2 bước:

+ Thiết kế san nền giai đoạn sơ bộ nhằm dự trữ khối lượng cát san nền trong phạm vi của dự án tới cao độ xây dựng.

+ Khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ thiết kế san nền chi tiết từng lô cụ thể, hoàn thiện sân đường nội bộ.

7.2.2. Định hướng thoát nước mưa

- Mạng lưới thoát nước mưa của khu vực là mạng lưới thoát nước riêng với thoát nước thải. Tận dụng địa hình đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Mạng lưới thoát nước được quy hoạch đồng bộ, đảm bảo kết nối với mạng lưới thoát nước hiện hữu, có chiều dài các tuyến cống thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước mặt là nhanh nhất. Hạn chế giao cắt hệ thống thoát nước với các công trình ngầm khác.

7.3. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu cấp nước khoảng $360\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; tổng nhu cầu cấp nước khi có cháy khoảng $521\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn cấp nước khu vực lập quy hoạch được đấu với đường ống cấp nước theo quy hoạch chung trên đường QL.10.

- Nước cấp cho các nhà cao tầng thông qua hệ thống bể chứa và thiết bị bơm cục bộ tại từng công trình.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu vực quy hoạch theo dạng kết hợp giữa cấp nước công cộng, dịch vụ hỗn hợp và cứu hoả. Nước chữa cháy được lấy trực tiếp từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt qua các trụ nước chữa cháy, khoảng cách các trụ cấp nước chữa cháy tối đa 120m, ưu tiên đặt tại các vị trí ngã 3, ngã 4 trên trục đường chính.

7.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống riêng hoàn toàn, tận dụng triệt để độ dốc địa hình để đặt cống tự chảy.

- Nước thải từ các công trình phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải của khu vực. Công trình xử lý nước thải phải đảm bảo mỹ quan chung, không gây rò rỉ nước thải, không gây mùi ảnh hưởng đến khu vực.

- Chất thải rắn từ các công trình và đường phố được gom hàng ngày vào những giờ nhất định về các điểm tập kết, sau đó được đưa về khu xử lý chất thải rắn của thị trấn.

7.5. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ đường dây 35kV tại vị trí cột điểm đấu số 68 sau khi hạ ngầm chạy dọc khu đất để cấp điện cho các tủ trung thế của Trạm biến áp.

- Theo tính toán phụ tải yêu cầu là 1391,0 kVA. Bố trí 03 trạm biến áp 35/0,4kV có gam máy 560kVA.

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế phù hợp với cảnh quan môi trường, cảnh quan kiến trúc, tạo ra được các điểm nhấn.

Toàn bộ đèn đường trong khu vực được chia làm nhiều nhóm và được điều khiển từ các tủ điều khiển chiếu sáng tự động.

7.6. Quy hoạch hệ thống viễn thông thụ động

- Việc thiết kế các hệ thống thông tin trong khu vực nghiên cứu tuân theo những tiêu chí: Đảm bảo độ tin cậy; đảm bảo khả năng mở rộng; đảm bảo công năng đầy đủ; có khả năng thích ứng với các yêu cầu tương lai; đảm bảo tính tương hợp với hạ tầng mạng đã có; tuân theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Nguồn cấp: Được đấu nối vào đường dây thông tin PVC từ TVT khu dân cư số OM9 theo quy hoạch chung được phê duyệt.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt.

- Khi lập dự án đầu tư, thiết kế, xây dựng và khai thác sử dụng các công trình trong khu vực quy hoạch này phải có các giải pháp thiết kế cụ thể đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

9. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

9.1. Hạng mục ưu tiên đầu tư

- Đền bù giải phóng mặt bằng;

- Xây dựng đường giao thông và các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

9.2. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực đất ở mới OM9 thuộc quy hoạch chung xây dựng đô thị mới 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến huyện Ý Yên đến năm 2035.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định quản lý Quy hoạch chi tiết khu vực OM9 thuộc Quy hoạch chung đô thị mới 04 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035” kèm theo đồ án này, nội Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị.

11. Tổ chức thực hiện

11.1. UBND huyện Ý Yên

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

11.2. Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

11.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Ý Yên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Lan Anh